

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2011

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

3.1- Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

3.2- Chuẩn bị mặt bằng

3.3- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

3.4- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

3.5- Phá dỡ.

3.6- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ

3.7 - Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

3.8- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

3.9- Xây dựng chung cư, hạ tầng cơ sở; Xây dựng nhà cao cấp, văn phòng cho thuê; Xây dựng Trung tâm thương mại; Xây chợ kinh doanh.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

II- Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày: 01/ 01/ 2011 kết thúc 31/ 12/ 2011.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán: Việt nam đồng.

3. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam.

4. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

5. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên tắc xác định hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

6- Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng:

Nguyên tắc tính khấu hao TSCĐ: Thực hiện theo tỷ lệ cố định (Đường thẳng) tất cả máy móc thiết bị khấu hao 3 - 5 năm; Nhà cửa vật kiến trúc 5 – 20 năm; Phương tiện vận tải 6 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:

Xác định chi phí lãi vay là lãi vay theo lãi suất vay các khế ước vay của các khoản vay và ngày vay thực tế .

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty đã ghi chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chiết khấu cho khách hàng là dựa trên doanh thu thực tế, số tiền các đơn vị cá nhân mua hàng đã thanh toán, và cá quy chế bán hàng công ty đã ban hành.

9- Ghi nhận các khoản dự phòng nợ phải thu:

Theo chế độ tài chính của Nhà nước hiện hành: Theo thông tư số 228/2009/TT- BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền: Tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển, đầu tư ngắn hạn kỳ hạn không quá 3 tháng... dễ dàng chuyển đổi thành lượng tiền nhất định.

Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra Việt nam đồng: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh. Khi thanh toán theo tỷ giá thực tế mua ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá: Chênh lệch tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

11- Phương pháp ghi nhận doanh thu:

Khi giao hàng hóa cho người mua và lập hóa đơn không phụ thuộc đã thu được tiền hay chưa.

III- Các thông tin bổ sung cho các khoản trong kỳ báo cáo:

1-Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Số cuối quý	Đầu năm
Tiền mặt	522.069.082	317.292.083
Tiền gửi ngân hàng:	203.556.954.388	64.300.972.381
	204.079.023.470	64.618.264.464

2- Hàng tồn kho:

	Số cuối quý	Đầu năm
Hàng đi đường	0	67.866.727.500
Nguyên vật liệu	195.150.893.184	211.408.066.532
Công cụ dụng cụ:	1.662.957.375	2.151.983.287
Chi phí dở dang	58.709.927.744	39.966.409.659
Thành phẩm	78.057.896.490	108.855.890.542
	333.581.674.793	430.249.077.520

3- Tăng giảm TSCĐ:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị VP	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2011	63.990.934.561	255.733.533.229	15.033.601.185	5.372.414.760	340.130.483.735
Tăng trong kỳ					
+ Mua sắm	0	27.939.593.384	0	149.488.640	28.089.082.024
+ XD CB	23.313.455.918				23.313.455.918
Giảm trong kỳ		410.324.017			410.324.017
+ Thanh lý					
+ Nhượng bán					
Tại ngày 31/3/2011	87.304.390.479	283.262.802.596	15.033.601.185	5.521.903.400	391.122.697.660
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 1/1/2011	15.430.240.990	181.168.010.195	4.047.304.237	3.894.005.719	204.539.561.141
Số tăng trong kỳ	633.953.541	7.280.765.621	486.672.456	172.214.629	8.573.606.247
Số giảm trong kỳ					
Vào ngày 31/3/2011	16.064.194.531	188.448.775.816	4.533.976.693	4.006.220.348	213.113.167.388
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2011	48.560.693.571	74.565.523.034	10.986.296.948	1.478.409.041	135.590.922.594
Tại ngày 31/3/2011	71.240.195.948	94.814.026.780	10.499.624.492	1.455.683.052	178.009.530.272

4- Tăng giảm các khoản đầu tư:

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Đầu tư vào công ty con	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
Liên doanh, Liên kết	18.734.712.000	-	-	18.734.712.000
Dài hạn khác	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000

5- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	Cuối quý	Đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	10.335.346.613	-
Thuế xuất nhập khẩu	2.272.380.605	854.250.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.963.422.836	30.548.634.740
Thuế thu nhập các nhân		4.478.957.779
Thuê đất		-
Khác		-
	31.571.150.054	35.881.843.456

6 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu:

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư chủ sở hữu	216.689.980.000	216.689.980.000		433.379.960.000
Vốn khác của chủ sở hữu	83.954.434.599		25.719.862.266	58.234.572.333
Các quỹ của chủ sở hữu	91.184.896.652		91.184.896.652	-
Quỹ dự phòng tài chính	24.608.144.516			24.608.144.516

Lợi nhuận chưa phân phối	362.542.887.494	77.987.419.094	120.402.570.856	320.127.735.732
--------------------------	-----------------	----------------	-----------------	-----------------

7- Chi tiết các khoản doanh thu:

	Quý 1- 2011	Quý 1- 2010
Doanh thu bán hàng	601.168.746.256	397.390.448.594
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>609.875.403</i>	<i>1.309.940.371</i>
Doanh thu tài chính	349.481.186	373.695.363
<i>Tiền lãi, cổ tức được chia:</i>	<i>325.115.177</i>	<i>179.639.986</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá:</i>	<i>24.366.009</i>	<i>194.055.377</i>

V- Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

1. Doanh thu quý 1 năm 2010: 397.390.448.594 đồng, Lợi nhuận trước thuế là: 80.347.262.449 đồng.

2. Công nợ phải thu của người mua tại thời điểm lập báo cáo cao vì khách hàng thường cuối tháng mới trả nên thanh toán tiền hàng về chậm 5 - 10 ngày. Đầu tháng sau tiền thanh toán mới về tới tài khoản của công ty mà thời điểm lập báo cáo lại là ngày cuối cùng của tháng nên kết thúc tháng số dư nợ phải thu cuối tháng cao đã không phản ánh đúng bản chất công nợ phải thu.

3. Nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ được gia tăng do sản xuất kinh doanh có lãi. Vốn kinh doanh tăng gấp hai lần do thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1.

4. Công ty liên kết là Cty CP Bao bì Tiên phong có vốn điều lệ là 4.000.000.000 đồng. Cty CP Nhựa Thiều niên Tiên phong sở hữu 49% vốn điều lệ. Tính đến 31/03/2011: Vốn chủ sở hữu là: 12.992.809.064 đ, Kết quả kinh doanh năm 2010: Doanh thu đạt: 57.493.548.018 đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt: 3.116.213.360 đồng.

5. Cty CP Nhựa Thiều niên Tiền phong phía Nam đã chính thức thành lập vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng trong đó Cty CP Nhựa Thiều niên Tiền phong giữ 51% vốn điều lệ. Tính 31/12/2010 Vốn chủ sở hữu là: 103.113.217.381 đồng. Trong đó vốn chủ sở hữu góp là: 106.000.000.000 đồng như vậy Cty CP Nhựa Tiền phong năm giữ chỉ còn 48% vốn điều lệ. Kết quả kinh doanh quý năm 2010 Doanh thu đạt: 167.454.157.823 đồng, Lợi nhuận đạt: 202.485.195 đồng.

6. Công ty đã góp vốn liên doanh tại CHDCND Lào: 16.336.512.000 đồng (Tương đương 918.000 USD). Đã khánh thành vào ngày 28/02/2010.

7. Những khoản nợ tiềm tàng hay tài sản tiềm tàng:

Tài sản cố định Công ty đều áp dụng chế độ khấu hao nhanh nên hầu hết tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn thời gian sử dụng dài. Đặc biệt toàn bộ máy móc thiết bị khấu hao nhanh (Thời gian khấu hao 3- 5 năm) rất nhiều máy móc thế hệ mới đã khấu hao hết nhưng chất lượng còn tốt. Hầu hết máy đèn ống PVC, PE-HD là nhập khẩu từ EUROPEAN, máy ép phun từ JAPAN và KOREA thế hệ mới nên giá trị tài sản tích lũy lớn. Nguyên giá TSCĐ: 391.122.697.660 đồng, đã khấu hao: 213.113.167.388 đồng. Giá trị còn lại: 178.009.530.272 đồng. Máy móc thiết bị thế hệ mới nên chất lượng sản phẩm cao, ổn định và kiểm soát được chất lượng.

Đã mua 6 dây chuyền sản xuất ống PVC và PE-HD tăng năng lực sản xuất trong đó có dây chuyền sản xuất ống PE - HD có đường kính 1200 mm hiện đang lắp đặt(Chưa có ở Việt nam).

Công nợ của Công ty đầu năm 2011 không phát sinh nợ xấu và đã thu hồi một số khoản nợ xấu. Nợ cũ Công ty đã trích dự phòng nợ khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính hiện hành. Nợ phải thu của Công ty đã loại bỏ nợ xấu. Khả năng tài chính tốt không có nợ quá hạn.

8. Các thông tin khác:

+ Để thực hiện việc mở rộng sản xuất và chuyển khu vực sản xuất ra địa điểm mới tại: Phường Hưng Đạo, Quận Dương kinh Thành phố Hải phòng cách trụ sở hiện tại khoảng 5 Km. Hiện nay Công ty đã chuyển phân xưởng sản xuất ống PE-HD sang khu nhà máy mới tại Phường Hưng Đạo giải quyết một phần khó khăn về mặt bằng sản xuất hiện tại và có điều kiện để lắp đặt các dây chuyền sản xuất đã

mua. Trụ sở cũ tại trung tâm thành phố hiện Công ty đang làm thủ tục xin thành phố cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng: xây văn phòng cho thuê, chung cư cao cấp.... Công ty đã thuê Công ty tư vấn Savills về vấn đề đầu tư cho dự án xây dựng tại số 2 An đầ - Ngô Quyền Hải phòng (Trụ sở cũ của Công ty).

+ Về nguồn chi phí đầu tư hoàn toàn bằng nguồn vốn tự có, không vay Ngân hàng hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2011.

Tổng Giám đốc